

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2876 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa  
thuộc Ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 368/TTr-SCT ngày 06 tháng 11 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc Ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 805/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang công bố TTHC cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang áp dụng theo quy trình một cửa liên thông.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, Trung tâm PVHCC, CVNC;
- Lưu: VT, phmanh.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chín



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC NGÀNH CÔNG THƯƠNG**  
**ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2876 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	<b>LĨNH VỰC: VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ (07 TTHC)</b>				
1	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị huấn luyện (nếu có), kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;</li><li>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;</li><li>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.</li></ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018;</li> <li>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018;</li> </ul>
3	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018;</li> <li>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018;</li> </ul>
4	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018;</li> <li>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018.</li> </ul>
5	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	05 ngày làm việc, kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành	- Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	chính công	nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa: 5.000.000 đồng - Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng - Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng - Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng	tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018; - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018.
6	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trường hợp cấp lại giấy phép nhưng không có thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>công nghiệp, thì mức phí như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa: 2.500.000 đồng</li> <li>+ Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 2.000.000 đồng</li> <li>+ Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 1.750.000 đồng</li> <li>+ Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 1.000.000 đồng</li> <li>- Trường hợp cấp lại</li> </ul>	<p>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>giấy phép có thay đổi về đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, thì mức phí như sau:</p> <p>+ Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa: 5.000.000 đồng</p> <p>+ Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng</p> <p>+ Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng</p> <p>+ Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				ngành phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng	
7	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018;</li> <li>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018.</li> </ul>
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC: HÓA CHẤT (07 TTHC)</b>				
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</li> <li>- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP</li> </ul>



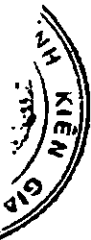


TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.
9	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017; - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020; - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trong lĩnh vực công nghiệp				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;</li> <li>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018.</li> </ul>
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 ;</li> <li>- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;</li> <li>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018.</li> </ul>
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 600.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017;</li> <li>- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;</li> <li>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 25/01/2018.
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 600.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017;</li> <li>- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020;</li> <li>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018.</li> </ul>
14	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</li> <li>- Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt; Nghị định số 03/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi,</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;</p> <p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p>
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (01 TTHC)</b>				
15	Cấp Thông báo xác nhận công bố sản phẩm	05 (năm) ngày làm việc kể từ	Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	chính công		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BCT ngày 22/02/2018 của Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</li> <li>- Thông tư số 02/2017/TT-</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC: AN TOÀN THỰC PHẨM (02 TTHC)</b>				
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.</li> <li>- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương. - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</p> <p>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 276/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</p>
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.	<p>- Luật An toàn thực phẩm.</p> <p>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.</p> <p>- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.</li> <li>- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng</li> </ul>	15 tháng 11 năm 2018. - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018.



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.	
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC: KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (LPG) (12 TTHC)</b>				
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm	07 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

KIỂM GIẤY

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nạp LPG vào chai	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	chính công	phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thăm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thăm định.	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
20	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thăm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thăm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thăm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thăm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thăm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thăm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thăm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ		tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	ngày 26/10/2016.
23	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
25	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	
26	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định</i> - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt. + Tại các huyện: 600.000đ/lượt. - Đối với hộ kinh doanh: + Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt. + Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
28	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.
29	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>Phí thẩm định</b> - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt. + Tại các huyện: 600.000đ/lượt. - Đối với hộ kinh doanh: + Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt. + Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
VI	<b>LĨNH VỰC: KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG (LNG) (6 TTHC)</b>				

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
31	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
32	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
33	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>Phí thẩm định</b> - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt. + Tại các huyện: 600.000đ/lượt. - Đối với hộ kinh doanh: + Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt. + Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018;
35	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>Phí thẩm định</b> - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt. + Tại các huyện: 600.000đ/lượt. - Đối với hộ kinh doanh: + Thành phố, thị xã:	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				400.000đ/lượt. + Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	
<b>VII</b>	<b>LĨNH VỰC: KHÍ THIÊN NHIÊN NÉN - CNG (6 TTHC)</b>				
36	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
37	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
38	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<i>Phí thẩm định:</i> + Tại khu vực Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: 1.200.000đ/điểm	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				kinh doanh/ lần thẩm định + Tại các khu vực khác: 600.000đ/lần thẩm định.	
39	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>Phí thẩm định</b> - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt. + Tại các huyện: 600.000đ/lượt. - Đối với hộ kinh doanh: + Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt. + Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
40	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018;
41	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<b>Phí thẩm định</b> - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				+ Tại các huyện: 600.000đ/lượt. - Đối với hộ kinh doanh: + Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt. + Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	
<b>VIII</b>	<b>LĨNH VỰC: ĐIỆN (10 TTHC)</b>				
42	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	10 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được huấn luyện lần đầu, huấn luyện định kỳ, huấn luyện lại, kiểm tra đạt yêu cầu.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không thu phí.	- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện. - Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP. - Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
43	Cấp lại thẻ an toàn điện	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của người sử dụng lao động có người lao động làm hỏng, làm mất thẻ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không thu phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014.</li> <li>- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020.</li> <li>- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014.</li> </ul>
44	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	10 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được huấn luyện lại, kiểm tra đạt yêu cầu.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không thu phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014.</li> <li>- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020.</li> <li>- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014.</li> </ul>
45	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương	Trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định:</li> <li>+ Cấp mới: 2.100.000 đồng/giấy phép.</li> <li>+ Cấp sửa đổi, bổ sung: 1.050.000 đồng/giấy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực		phép.	<p>ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.</p> <p>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; Thông tư số 15/2019/TT-BCT ngày 26/8/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>khoản 1 và khoản 4 Điều 12 Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.</p> <p>- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động điện lực.</p> <p>- Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực.</p>
46	Cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương	Trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<p>- Phí thẩm định: + Cấp mới: 800.000 đồng/giấy phép. + Cấp sửa đổi, bổ sung: 400.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.</p> <p>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực			ngày 05/02/2020. - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; Thông tư số 15/2019/TT-BCT ngày 26/8/2019. - Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016. - Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2020.
47	Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương		Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định: + Cấp mới: 800.000 đồng/giấy phép. + Cấp sửa đổi, bổ sung: 400.000 đồng/giấy phép.	- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020. - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; Thông tư số 15/2019/TT-BCT ngày 26/8/2019. - Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016. - Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2020.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
48	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	Trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định:</li> <li>+ Cấp mới: 800.000 đồng/giấy phép.</li> <li>+ Cấp sửa đổi, bổ sung: 400.000 đồng/giấy phép.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020.</li> <li>- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; Thông tư số 15/2019/TT-BCT ngày 26/8/2019.</li> <li>- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.</li> <li>- Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2020.</li> </ul>
49	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương	Trong thời hạn 15 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực có	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định:</li> <li>+ Cấp mới: 700.000 đồng/giấy phép.</li> <li>+ Cấp sửa đổi, bổ sung: 350.000 đồng/giấy phép.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra tại cơ sở (nếu cần thiết) và cấp giấy phép hoạt động điện lực			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020.</li> <li>- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; Thông tư số 15/2019/TT-BCT ngày 26/8/2019.</li> <li>- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.</li> <li>- Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2020.</li> </ul>
50	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không thu phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.</li> <li>- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương.</li> <li>- Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018 của Bộ Công Thương.</li> </ul>
51	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không thu phí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013.</li> <li>- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013.</li> <li>- Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018.</li> </ul>
<b>IX</b>	<b>LĨNH VỰC: CÔNG NGHIỆP NẶNG (1 TTHC)</b>				
52	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết sẽ kiểm tra thực tế tại cơ sở. Cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo kết quả xác	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ</li> <li>- Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận ưu đãi chậm nhất sau ba mươi (30) ngày làm việc			
<b>X</b>	<b>LĨNH VỰC: XUẤT NHẬP KHẨU (01 TTHC)</b>				
53	Lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	17 ngày làm việc Trong đó: - 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh danh sách thương nhân đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện tái xuất hàng hóa qua cửa khẩu phụ, lối mở	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		biên giới. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh sách thương nhân được phép tái xuất hàng hóa qua các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.			
<b>XI</b>	<b>LĨNH VỰC: XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (6 TTHC)</b>				
54	Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại. - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
55	Đăng ký sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại. - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018.
56	Thông báo thực hiện khuyến mại.	Tối thiểu trước 03 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018.
57	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018.
58	Đăng ký tổ chức Hội chợ/ triển lãm thương mại tại Việt Nam	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018.
59	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lãm thương mại tại Việt Nam	sơ			
<b>XII</b>	<b>LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CẠNH TRANH (5 TTHC)</b>				
60	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp	07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004. - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định về Quản lý hoạt động kinh doanh.
61	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp	07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004; - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018.
62	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004; - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018.
63	Thông báo tổ chức Hội nghị, Hội thảo, Đào tạo về bán hàng đa cấp	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004; - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018.
64	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm	20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Điều 19 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số: 59/2010/QH12, Mục 1 chương III Nghị định

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	quyền của Sở Công Thương	hợp lệ			99/2011/NĐ-CP, Quyết định 02/2012/QĐ-TTg.
<b>XIII</b>	<b>LĨNH VỰC: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (21 TTHC)</b>				
65	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 3.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC, ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài,</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
66	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 1.500.000đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016.</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC, ngày 26 tháng 9 năm 2016.</li> </ul>
67	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 1.500.000đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.</li> <li>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016.</li> <li>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC, ngày 26 tháng 9 năm 2016.</li> </ul>
68	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lệ phí: 1.500.000đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nhân nước ngoài tại Việt Nam	hợp lệ.			Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016. - Thông tư số 143/2016/TT-BTC, ngày 26 tháng 9 năm 2016.
69	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016. - Thông tư số 143/2016/TT-BTC, ngày 26 tháng 9 năm 2016.
70	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017. - Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành,



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>nghe đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.</p>
71	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<p>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</p> <p>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
72	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</li> <li>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> </ul>
73	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</li> <li>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 15/01/2018.
74	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</li> <li>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> </ul>
75	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</li> <li>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					11 năm 2016. - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.
76	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017. - Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016. - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.
77	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017. - Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016. - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.
78	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017. - Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016. - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.
79	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017. - Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sở bán lẻ				<p>nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</p>
80	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m <sup>2</sup>	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<p>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</p> <p>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</p>
81	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<p>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</p> <p>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</p> <p>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016. - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.
82	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017. - Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016. - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.
83	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005. - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017. - Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> </ul>
84	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</li> <li>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> </ul>
85	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.</li> <li>- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017.</li> <li>- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11</li> </ul>





TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>năm 2014.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> </ul>
<b>XIV</b>	<b>LĨNH VỰC: LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (26 TTHC)</b>				
86	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/ lần thẩm định/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng,</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.</p> <p>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.</p> <p>- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/2/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.</p>
87	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ..	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/ lần thẩm định/ hồ sơ	<p>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017.</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018.</li> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019.</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.</li> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/2/2018.</li> </ul>
88	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/ lần thẩm định/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013.</li> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017.</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					BCT ngày 26/12/2018. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/2/2018.
89	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
90	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán	15 ngày làm việc kể từ khi	Trung tâm Phục vụ hành	- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nguyên liệu thuốc lá	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	chính công	đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
91	Cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 - Thông tư số 57/2018/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					BCT ngày 26/12/2018. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
92	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
93	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014. - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014. - Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				doanh/lần thẩm định.	ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
94	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018.</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
95	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> <li>- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.</li> <li>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> <li>- Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>





TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
96	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> <li>- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018.</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.</li> </ul>
97	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018.</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.</li> </ul>
98	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> <li>- Tại các huyện: 600.000</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.</li> <li>- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.
99	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014. - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014. - Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
100	Cấp lại Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014. - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014. - Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
101	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<p>- Lệ phí:</p> <p>- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p>	<p>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017.</p> <p>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018.</p> <p>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.</p>
102	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<p>- Lệ phí:</p> <p>- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>- Tại các huyện: 600.000</p>	<p>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013.</p> <p>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017.</p> <p>- Nghị định số 08/2018/NĐ-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	CP ngày 15 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020. - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
103	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá năm 2012. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020. - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 26/10/2016.
104	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> <li>- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính</li> </ul>
105	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> <li>- Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
106	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.</li> <li>Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
107	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Trong thời hạn từ 05-15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Luật Giá ngày 20/6/2012.</li> <li>+ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.</li> <li>+ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số</li> </ul>

KIỂM GIẤY

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.</p> <p>+ Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 06 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.</p>
108	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	01 - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	<p>+ Luật Giá ngày 20/6/2012.</p> <p>+ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013.</p> <p>+ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016.</p> <p>+ Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 06 năm 2017.</p>
109	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/ lần thẩm định/ hồ sơ	<p>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-</li> </ul>





TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.</li> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/2/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính quy</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.
110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/ lần thẩm định/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</li> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017.</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018.</li> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019.</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.</li> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/2/2018.</li> </ul>
111	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ	15 ngày làm việc kể từ khi	Trung tâm Phục vụ hành	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/ lần thẩm định/ hồ	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	chính công	sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017.</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018.</li> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019.</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016.</li> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/2/2018.</li> </ul>
<b>XV</b>	<b>LĨNH VỰC: GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI (2 TTHC)</b>				
112	Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 20.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP, ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.</li> <li>- Nghị định số 125/2014/NĐ-CP, ngày 29/12/2014 của Chính phủ</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP, ngày 16/12/2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP, ngày 20/02/2006. - Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006 quy định mức thu lệ phí đăng ký dấu nghiệp vụ.
113	Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 20.000đồng	- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP, ngày 20/02/2006. - Nghị định số 125/2014/NĐ-CP, ngày 29/12/2014. - Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006.
<b>XVI</b>	<b>LĨNH VỰC: DẦU KHÍ (3 TTHC)</b>				
114	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m <sup>3</sup> đến dưới 5.000m <sup>3</sup>	50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo qui định	- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.</p> <p>- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.</p>
115	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m <sup>3</sup>	50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo qui định	<p>- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng.</p> <p>- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.</p>
116	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m <sup>3</sup>	50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo qui định	<p>- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP.</p> <p>- Nghị định số 107/2009/NĐ-CP.</p> <p>- Thông tư số 39/2013/TT-BCT.</p>
<b>XVII</b>	<b>LĨNH VỰC: NĂNG LƯỢNG (01 TTHC)</b>				
117	Quy trình một cửa liên thông giải quyết thủ	- Đối với công trình do ngành	- Công ty Điện lực	Không có.	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tục cấp điện qua lưới trung áp giữa ngành điện và các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	điện đầu tư: Không quá 10 ngày làm việc. - Đối với công trình do khách hàng đầu tư: Không quá 09 ngày làm việc.	Kiên Giang; - Điện lực các huyện, thành phố.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;</li> <li>- Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008.</li> <li>- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014.</li> <li>- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018.</li> <li>- Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 24/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương.</li> <li>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC: LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (9 TTHC)</b>				
01	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/thẩm định/ hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 2 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.</li> </ul>
02	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/thẩm định/ hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.</li> <li>- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020.</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016.</li> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 2 năm 2018.</li> </ul>
03	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/thẩm định/ hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017.</li> </ul>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	kinh doanh				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.</li> <li>- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020.</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016.</li> <li>- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 2 năm 2018.</li> </ul>
04	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố trực thuộc tỉnh:</li> <li>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</li> <li>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>- Tại các khu vực khác: bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng quy định nêu trên.</p>	
05	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	<p>- Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố trực thuộc tỉnh:</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p>	<p>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.</p> <p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<p>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>- Tại các khu vực khác: bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng quy định nêu trên.</p>	
06	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND	- Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố trực	<p>- Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.</p> <p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ	huyện	<p>thuộc tỉnh:</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>+ Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p>	<p>tháng 9 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020.</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.</p>



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Tại các khu vực khác: bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng quy định nêu trên.	
07	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	Phí thẩm định: * Đối với tổ chức, doanh nghiệp: - Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt; - Tại các huyện: 600.000đ/lượt. * Đối với hộ kinh doanh: - Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt; - Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	+ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020. + Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 doanh thuốc lá. + Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019. + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
08	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	Phí thẩm định: * Đối với tổ chức, doanh nghiệp: - Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt;	+ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại các huyện: 600.000đ/lượt.</li> <li>* Đối với hộ kinh doanh:</li> <li>- Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt.</li> <li>- Tại các huyện: 200.000đ/lượt.</li> </ul>	14/9/2017. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020. + Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 doanh thuốc lá. + Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019. + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
09	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	Phí thẩm định: * Đối với tổ chức, doanh nghiệp: - Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt. - Tại các huyện: 600.000đ/lượt. * Đối với hộ kinh doanh: - Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt; - Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	+ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. + Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020. + Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 doanh thuốc lá. + Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016.
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC: KINH DOANH KHÍ (3 TTHC)</b>				
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	* Phí thẩm định - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Thành phố, thị xã: 1.200.000đ/lượt. + Tại các huyện: 600.000đ/lượt. - Đối với hộ kinh doanh: + Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt. + Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	Không	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.
12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	* Phí thẩm định - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Thành phố, thị xã:	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				1.200.000đ/lượt. + Tại các huyện: 600.000đ/lượt. - Đối với hộ kinh doanh: + Thành phố, thị xã: 400.000đ/lượt. + Tại các huyện: 200.000đ/lượt.	26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC: CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG</b>				
13	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;</li> <li>- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).</p>

